Số: 110/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-10-20T15:17:48+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND của UBND thành phố Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là viện trợ) trên địa bàn thành phố Huế nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là Bên cung cấp viện trợ).

2. Các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là Bên tiếp nhận viện trợ).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia hoặc có liên quan đến tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại.

Điều 3. Nguyên tắc trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân thành phố Huế thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn, trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức, cá nhân và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Các nguyên tắc được quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Không tiếp nhận các khoản viện trợ có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế có thẩm quyền phê duyệt:

1. Các khoản viện trợ trực tiếp cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Huế và các khoản viện trợ khắc phục hậu quả (trừ các khoản viện trợ quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP).

2. Các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ, trừ các tổ chức do Bộ Nội vụ ra quyết định phê duyệt điều lệ.

3. Các khoản viện trợ của các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp nhận.

4. Các khoản viện trợ của các doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp khoa học và công nghệ có đăng ký kinh doanh tại thành phố Huế.

Điều 5. Hồ sơ khoản viện trợ và cơ quan tiếp nhận hồ sơ

1. Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Mẫu văn kiện dự án, phi dự án quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Cam kết viện trợ bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng, hồ sơ được lập theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng công trình.

3. Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 03 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm về nội dung bản gốc và bản dịch tiếng Việt của tài liệu.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Sở Tài chính: Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt

1. Sở Tài chính gửi bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này tới Công an thành phố, Sở Ngoại vụ và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý nhà nước của địa phương hoặc trường hợp khoản viện trợ thực hiện tại nhiều địa phương hoặc chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại địa bàn quản lý, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để lấy ý kiến

của các bộ, ngành, địa phương có liên quan. Đối với các khoản viện trợ về pháp luật và cải cách tư pháp, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp để xin ý kiến.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm góp ý bằng văn bản trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

3. Sở Tài chính đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ và thẩm định khoản viện trợ theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Phê duyệt khoản viện trợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tài chính. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án trong quá trình thực hiện

1. Trường hợp việc thay đổi dự án, khoản viện trợ phi dự án làm tăng vốn đối ứng hoặc tăng vốn viện trợ từ 300.000 đô la Mỹ trở lên, hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy chế này. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh phải nêu rõ nội dung điều chỉnh, lý do điều chỉnh.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, chủ dự án có văn bản đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án trong đó xác định rõ nội dung điều chỉnh, lý do điều chỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố Huế phê duyệt.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố Huế phê duyệt điều chỉnh dự án, phi dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Sở Ngoại vụ, Công an thành phố và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Chương III
QUẢN LÝ THỰC HIỆN VIỆN TRỢ

Điều 8. Tổ chức quản lý dự án

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ

1. Trên cơ sở quyết định phê duyệt viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với các khoản viện trợ do các Bộ, cơ quan trung ương hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khác là chủ dự án và thực hiện trên địa bàn thành phố Huế, chủ khoản viện trợ phải có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế theo quy định trước khi triển khai thực hiện.

3. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 6 tháng và hằng năm cho cơ quan chủ quản thông qua Sở Tài chính, trong đó báo cáo định kỳ 6 tháng gửi chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo định kỳ hằng năm vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau. Thời điểm chốt số liệu của báo cáo 6 tháng là ngày 30 tháng 6 và báo cáo hằng năm là ngày 15 tháng 12. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ phải gửi cơ quan chủ quản thông qua Sở Tài chính không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án

Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Quản lý tài chính

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 23/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 23/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính thì thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó.

2. Mở tài khoản, giải ngân, hạch toán ghi thu - ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước: Chủ dự án mở tài khoản vốn đối ứng và tài khoản vốn viện trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với các chương trình, dự án viện trợ bố trí từ kế hoạch đầu tư công: hồ sơ, thủ tục xác nhận qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Trình tự, thủ tục hạch toán, ghi thu, ghi chi thực hiện theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và quy định từ khoản 2 đến khoản 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đối với viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước: Chủ dự án mở tài khoản vốn đối ứng và tài khoản vốn viện trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Việc hạch toán, kế toán và quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Chủ dự án gửi báo cáo quyết toán tới Sở Tài chính để Sở Tài chính thẩm tra quyết toán, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa việc tiếp nhận hàng viện trợ nhập khẩu từ nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật về quản lý thuế. Hồ sơ làm thủ tục thông quan, hoàn thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Các khoản thuế, phí và lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện

hành về thuế, phí và lệ phí. Đối với trường hợp tiếp nhận viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, sau khi giao nhận hàng hóa, chủ khoản viện trợ thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách Nhà nước, quản lý tài sản theo các nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với tài sản không thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước, chủ khoản viện trợ thực hiện quản lý tài sản theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Quản lý vốn đối ứng

a) Vốn đối ứng phải được bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ để chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ. Nguồn, mức vốn và cơ chế vốn đối ứng phải phù hợp với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án đã được thống nhất trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế phê duyệt. Vốn đối ứng được sử dụng cho các khoản chi phí quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đối với dự án, phi dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước (thành phố, phường/xã): Cơ quan chủ quản có trách nhiệm cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan chủ quản theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị được ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc một phần kinh phí căn cứ vào thỏa thuận với nhà tài trợ và thống nhất về chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về bố trí vốn đối ứng, đề xuất, lập kế hoạch vốn đối ứng cho dự án, khoản viện trợ phi dự án gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp, tham mưu, báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố Huế phê duyệt, giao kế hoạch năm.

Trường hợp nhu cầu vốn đối ứng phát sinh sau thời điểm giao kế hoạch hằng năm, các đơn vị thực hiện bổ sung kế hoạch gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố Huế xem xét, quyết định.

c) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hằng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: Chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế gửi Bộ Tài chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hằng năm.

Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án, phi dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hằng năm, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế cân đối trong tổng vốn đã được phân bổ. Trong trường hợp không tự cân đối được, Ủy ban nhân dân thành phố Huế có văn bản gửi Bộ Tài chính yêu cầu xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo.

d) Định mức chi tiêu đối với các khoản chi từ nguồn vốn đối ứng thực hiện theo chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) Đối với các dự án, khoản viện trợ có vốn đối ứng không lấy từ ngân sách Nhà nước, chủ khoản viện trợ xác định rõ nguồn vốn, hình thức góp vốn đối ứng bảo đảm phù hợp quy định pháp luật; mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

5. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ:

Các cơ quan, đơn vị được ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động lập kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế xem xét, quyết định.

Các cơ quan, đơn vị không được ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị viện trợ. Trường hợp bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung khoản viện trợ. Quy định chi tiết về chuẩn bị vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Bàn giao kết quả thực hiện viện trợ

Sau khi kết thúc, chủ dự án tổ chức nghiệm thu, đánh giá và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng dự án và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính trong thời hạn quy định.

Chương IV
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố Huế. Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đầu mối về tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ quy định tại các Chương II và III Quy chế này có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Tham mưu xây dựng kế hoạch vận động, thu hút viện trợ trên cơ sở nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và năng lực tiếp nhận viện trợ của các bên tiếp nhận viện trợ.

2. Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã và các đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện các quy định về tiếp nhận viện trợ, quản lý tài chính và sử dụng viện trợ.

3. Chủ trì và phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách thành phố hằng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hướng dẫn các đơn vị nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về dự toán chi phí, tiếp nhận, quản lý, thanh toán, quyết toán và báo cáo tình hình thực hiện nguồn viện trợ.

4. Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ; xây dựng kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ theo giai đoạn trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

5. Chủ trì và phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan khác tổ chức theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện nguồn viện trợ trên địa bàn; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

6. Chủ trì và phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ hằng năm theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP gửi Bộ Tài chính.

7. Chủ trì đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng các đơn vị có thành tích trong công tác vận động các khoản viện trợ vào dịp sơ kết, tổng kết theo giai đoạn; đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng đối ngoại các tổ chức, cá nhân viện trợ, góp phần cải thiện kinh tế xã hội vào phát triển chung cho thành phố.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Ngoại vụ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương và công tác vận động nguồn viện trợ.

2. Trên cơ sở các lĩnh vực ưu tiên tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác có yếu tố nước ngoài và nhu cầu kêu gọi viện trợ của các ngành và địa phương, phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố và các cơ quan liên quan làm tốt công tác vận động và tranh thủ viện trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác có yếu tố nước ngoài.

3. Quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa bàn thành phố; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong việc khảo sát, xây dựng các dự án tài trợ và giám sát việc triển khai các khoản viện trợ đã cam kết; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức và nhân viên làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương theo quy định.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến với Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và trong việc đình chỉ, chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi được yêu cầu và về các hoạt động khác của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương.

5. Tham gia thẩm định và góp ý kiến các khoản viện trợ theo quy định của Quy chế này.

6. Tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và thực hiện đúng lĩnh vực và địa bàn hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Chủ trì và phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lập báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu về kết quả vận động và tiếp nhận viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài gửi Bộ Ngoại giao và Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an thành phố

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong công tác quản lý, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

2. Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn thành phố trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

3. Tham gia góp ý hồ sơ khoản viện trợ về tư cách pháp nhân của bên cung cấp viện trợ, các nội dung liên quan đến an ninh chính trị, an ninh kinh tế, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đơn vị của Thành phố trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh kinh tế, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

6. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

7. Cung cấp các thông tin liên quan làm cơ sở xem xét trong quá trình thẩm định khoản viện trợ.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Tham gia thẩm định và góp ý kiến các khoản viện trợ theo quy định của Quy chế này.

2. Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng các đơn vị có thành tích trong công tác vận động các khoản viện trợ vào dịp sơ kết, tổng kết theo giai đoạn.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

2. Tham gia thẩm định và đề xuất kiến nghị về chính sách đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo 6 tháng, hằng năm về kết quả vận động, công tác viện trợ, các chế độ báo cáo kết thúc khoản viện trợ, tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ.

5. Cung cấp, chia sẻ thông tin về các tổ chức viện trợ, chương trình, dự án và khoản viện trợ với các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, cung cấp thông tin về nhu cầu, lĩnh vực và địa bàn vận động viện trợ cho các tổ chức viện trợ.

6. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị Bộ Ngoại giao về chủ trương vận động cứu trợ.

7. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo thẩm quyền.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ định hướng, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của trung ương, của thành phố và của các ngành trong từng thời kỳ để xây dựng Chương trình, dự án vận động viện trợ theo từng giai đoạn phù hợp với định hướng, kế hoạch chung.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ cho thành phố Huế theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn các Bên tiếp nhận trong công tác vận động và tiếp nhận viện trợ.

4. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp, báo cáo tình hình vận động, thu hút viện trợ và tình hình thực hiện các hoạt động, chương trình, dự án viện trợ có sự tham gia, phối hợp của Liên hiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII

1. Thực hiện quản lý thu, kiểm soát chi, hạch toán kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ không hoàn lại thuộc phạm vi quản lý của thành phố trên cơ sở quyết định phê duyệt tiếp nhận của cấp có thẩm quyền và dự toán ngân sách được giao, theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách trung ương hoặc ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, căn cứ cơ quan tiếp nhận khoản viện trợ.

3. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn đơn vị tiếp nhận thực hiện ghi thu - ghi chi ngân sách nhà nước đối với khoản viện trợ; tham gia ý kiến về phương thức quản lý tài chính khi được yêu cầu.

Điều 20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Huế

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn thành phố chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ cho thành phố Huế theo kế hoạch.

3. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn các Bên tiếp nhận trong công tác vận động và tiếp nhận viện trợ.

4. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp, báo cáo tình hình vận động, thu hút viện trợ và tình hình thực hiện các hoạt động, chương trình, dự án viện trợ có sự tham gia, phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Huế theo chức năng, nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành, đoàn thể; Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Thực hiện tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định. Không tiếp nhận, triển khai thực hiện khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này khi chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các cơ quan trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố trước khi phối hợp thực hiện.

2. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

3. Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính, Công an thành phố khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tạo điều kiện về mặt bằng (nếu có) để thực hiện các dự án, phi dự án theo nội dung văn kiện đã ký kết; giao đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn.

6. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 6 tháng và hằng năm cho cơ quan chủ quản thông qua Sở Tài chính, trong đó báo cáo định kỳ 6 tháng gửi chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo định kỳ hằng năm vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ (chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện) và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.